

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT, TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 205/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Chiến
Bà Nguyễn Thị Mai
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hải Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị T, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn TL, xã CĐ, thị xã ST, thành phố Hà Nội; Có mặt.
- **Bị đơn:** Ông Vũ Văn S, sinh năm 1957
Địa chỉ: Thôn 5, xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:

Bà kết hôn với ông Vũ Văn S được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội vào ngày 10/11/2017.

Trước khi kết hôn vợ chồng bà có thời gian tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn ông S về sống với bà và mẹ bà tại thôn TL, xã CD, thị xã ST, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng bà sống hòa thuận, bình thường. Đến tháng 4 năm 2018, vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Ông S uống rượu say về nhà đốt quần, dọa mua xăng đốt nhà và chửi bới bà T. Vợ chồng bà sống ly thân, mỗi người một nơi từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng và đời sống chung không thể tồn tại nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Vũ Văn S.

Về con chung: Bà kết hôn với ông Vũ Văn S sinh được 01 con chung là cháu Vũ Đức D, sinh ngày 04/3/2018. Cháu D đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

Bị đơn ông Vũ Văn S trình bày: Ông với bà Phan Thị T có thời gian tìm hiểu nhau ngắn. Hai bên tự nguyện đi đến kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội vào ngày 10/11/2017.

Sau khi được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương ông về sống cùng bà T và mẹ đẻ bà T ở thôn TL, xã CD, thị xã ST, thành phố Hà Nội. Theo ông giữa bà T và ông không xảy ra mâu thuẫn gì mà ông và mẹ đẻ bà T xảy ra mâu thuẫn. Cho nên, ông không về sống nhà bà T nữa mà về sống một mình tại thôn 5, xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội. Bà T xin ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Phan Thị T có 01 con chung là Vũ Đức D, sinh ngày 04/3/2018. Hiện nay, cháu D đang sống cùng bà T. Ông S không nhất trí ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

Tại phiên tòa bà Phan Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Vũ Văn S do tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Bà đề nghị được nuôi con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật,

việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đặt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị T. Bà Phan Thị T được ly hôn ông Vũ Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Đức D, sinh ngày 04/3/2018 cho bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đến khi cháu Vũ Đức D đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Vũ Văn S khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ông Vũ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Về án phí: Bà Phan Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Phan Thị T có đơn xin ly hôn và giải quyết con chung với ông Vũ Văn S có địa chỉ cư trú tại thôn 5, xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện TT xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con nên thụ lý vụ án, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần bị đơn là Vũ Văn S đến để giải quyết vụ án nhưng ông S không đến. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Vũ Văn S kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội vào ngày 10/11/2017. Quan hệ hôn nhân của bà T và ông S được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng bà T, ông S sống với nhau hòa thuận đến tháng 4 năm 2018 xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có sự yêu thương và tôn trọng nhau. Ông S uống rượu say

về nhà đốt quần áo, dọa mua xăng đốt nhà và chửi bới bà T. Vợ chồng ông bà đã xảy ra cãi nhau dẫn đến sống ly thân.

Như vậy giữa bà T và ông S đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, không hàn gắn được. Thực tế, ông S và bà T không còn sống chung cùng nhau từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà Phan Thị T xin ly hôn ông Vũ Văn S là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị T.

[3]. Về con chung: Bà Phan Thị T và ông Vũ Văn S có 01 con chung là cháu Vũ Đức D, sinh ngày 04/3/2018. Cháu Vũ Đức D đang sống cùng bà T. Nguyên vọng của bà T được tiếp tục nuôi cháu D. Hội đồng xét xử, xét thấy giao cháu Vũ Đức D cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, do bà Phan Thị T không yêu cầu ông Vũ Văn S cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Vũ Văn S khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ông Vũ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công sức và nợ: Bà Phan Thị T và ông Vũ Văn S không có tài sản và nợ chung.

[5]. Về án phí: Bà Phan Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị T. Bà Phan Thị T được ly hôn ông Vũ Văn S.

Về con chung: Giao cháu Vũ Đức D, sinh ngày 04/3/2018 cho bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đến khi cháu Vũ Đức D đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ông Vũ Văn S có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Vũ Văn S khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Không có.

Về án phí: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017501 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Bà Phan Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Vũ Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTPHN; VKSNDTPHN;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Yên